

Số: /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 148/TTr-SKH-CN ngày 11 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Đại học Thái Nguyên;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình TN;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

Thaidh/QĐ27

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển tài sản trí tuệ trở thành nguồn lực quan trọng, công cụ chiến lược và động lực trực tiếp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Hình thành hệ sinh thái sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiện đại, hiệu quả; bảo đảm tài sản trí tuệ được tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ một cách bài bản, chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tạo chuyên biến thực chất về nhận thức, năng lực và hiệu quả thực thi sở hữu trí tuệ trong toàn xã hội; từng bước chuyên hóa tri thức, công nghệ, sáng tạo, thương hiệu, văn hóa và bản sắc địa phương thành giá trị kinh tế cụ thể, bền vững, góp phần nâng cao vị thế và chất lượng tăng trưởng của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tăng tối thiểu 20% so với giai đoạn 2021 - 2025; tỷ lệ sáng chế, giải pháp hữu ích được thương mại hóa đạt tối thiểu 10% số sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ.

- Tối thiểu 05 nhóm dữ liệu trọng tâm về tài sản trí tuệ của tỉnh được số hóa, cập nhật, khai thác; tối thiểu 300 kết quả, ý tưởng, giải pháp, sản phẩm sáng tạo được sàng lọc, tư vấn về sở hữu trí tuệ, trong đó tối thiểu 150 trường hợp được xác định đủ điều kiện để tiếp tục hỗ trợ xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa.

- 100% đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích và giống cây trồng; văn bằng bảo hộ nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp; đơn đăng ký bảo hộ ở nước ngoài có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ của tỉnh.

- 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh có khả năng tạo ra tài sản trí tuệ được đánh giá khả năng bảo hộ ngay từ khâu tuyển chọn, giao trực tiếp, đặt hàng; tối thiểu 80% tài sản trí tuệ hình thành từ các nhiệm vụ đó được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, thương mại hoá theo nhu cầu, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

- Phê duyệt tối thiểu 25 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; trong đó tối thiểu 10 nhiệm vụ tập trung hỗ trợ thương mại hóa đối với sáng chế, giải pháp hữu ích đã được cấp văn bằng bảo hộ.

- Tối thiểu 60% sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, quản lý, khai thác và phát triển thương hiệu, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau bảo hộ; trong đó tối thiểu 10 sản phẩm OCOP có tiềm năng xuất khẩu được hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, khai thác và phát triển thương hiệu tại thị trường nước ngoài.

- Tối thiểu 20 chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm du lịch, văn hoá đặc trưng của địa phương được bảo hộ mới; 100% chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể được chuẩn hoá mô hình quản trị, gắn với tri thức truyền thống, giá trị văn hoá, giá trị bản địa và tích hợp công cụ số để truy xuất nguồn gốc, nhận diện và chống giả; tối thiểu 05 chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể được đăng ký bảo hộ, mở rộng bảo hộ, gia hạn văn bằng bảo hộ, khai thác và phát triển thương hiệu ở thị trường nước ngoài.

- Tối thiểu 50 sản phẩm mang tài sản trí tuệ được tích hợp truy xuất nguồn gốc, định danh số, hộ chiếu số sản phẩm, công cụ nhận diện, xác thực, cảnh báo và chống giả; tối thiểu 50 tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ quản trị, khai thác tài sản trí tuệ; tối thiểu 50 chủ thể quyền sở hữu trí tuệ được hỗ trợ nâng cao năng lực tự bảo vệ quyền.

- Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ cho tối thiểu 2.500 lượt người; 100% sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có đầu mối triển khai nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ; tối thiểu 80% trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học tổ chức hoặc lồng ghép hoạt động tuyên truyền, giáo dục, trải nghiệm về sở hữu trí tuệ; xây dựng, vận hành tối thiểu 05 mô hình tư vấn, hỗ trợ sở hữu trí tuệ linh hoạt, thiết thực.

- Hàng năm, tổ chức tối thiểu 01 cuộc đối thoại chuyên đề và 01 đợt kiểm tra chuyên ngành về sở hữu trí tuệ; tổ chức tối thiểu 10 hoạt động trưng bày, triển

lãm, truyền thông, hướng dẫn nhận diện, phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sản phẩm xâm phạm quyền, hàng giả, hàng nhái.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về sở hữu trí tuệ

a) Xây dựng, cập nhật, kết nối và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu số về tài sản trí tuệ của tỉnh; phát triển công cụ tra cứu, phân tích thông tin sở hữu trí tuệ, bản đồ sáng chế và dự báo xu hướng công nghệ nhằm hỗ trợ các chủ thể trong hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản xuất, kinh doanh của tỉnh nhận diện hiện trạng công nghệ, xác định khoảng trống công nghệ, lựa chọn hướng nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ, xác lập quyền, quản trị, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ.

b) Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn tổ chức, cá nhân phát hiện, hình thành, ươm tạo, hoàn thiện và chuẩn hóa các kết quả nghiên cứu, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, sản phẩm sáng tạo, dấu hiệu nhận diện thương mại, tài sản số, tri thức truyền thống, tri thức bản địa và các kết quả đổi mới sáng tạo khác thành tài sản trí tuệ có khả năng bảo hộ, quản trị, khai thác và thương mại hóa.

c) Tổ chức đánh giá khả năng hình thành, bảo hộ, quản trị, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh ngay từ khâu tuyển chọn, giao trực tiếp, đặt hàng; gắn hoạt động phát triển tài sản trí tuệ với nghiệm thu, chuyển giao, ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

d) Phát triển nguồn nhân lực sở hữu trí tuệ của tỉnh theo hướng đồng bộ, chuyên sâu, thực chất; xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ từ cơ bản đến nâng cao cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, lực lượng thực thi quyền sở hữu trí tuệ, nhân lực của tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và các chủ thể có liên quan; có cơ chế thu hút, huy động chuyên gia, nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước tham gia hoạt động sở hữu trí tuệ của tỉnh.

2. Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước

a) Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; bảo đảm chính sách hỗ trợ được thực hiện công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng điều kiện, đúng mức hỗ trợ, không trùng lặp, tạo động lực thiết thực để tổ chức, cá nhân chủ động đăng ký bảo hộ, xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

b) Rà soát, xây dựng và cập nhật danh mục tài sản trí tuệ có tiềm năng đăng ký bảo hộ trong nước và nước ngoài để lập kế hoạch hỗ trợ theo lộ trình; ưu tiên tài sản trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tài sản trí tuệ gắn với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm làng nghề, sản phẩm du lịch, văn hóa đặc trưng của địa phương.

c) Tư vấn, hướng dẫn tổ chức, cá nhân về điều kiện, thủ tục, quy trình, hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ kết nối với tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp có năng lực, uy tín, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đơn đăng ký, hạn chế rủi ro pháp lý, nâng cao khả năng được cấp văn bằng bảo hộ.

d) Ưu tiên hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu gắn với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP có tiềm năng xuất khẩu, khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, thương mại điện tử xuyên biên giới hoặc có nguy cơ bị chiếm đoạt quyền tại thị trường quốc tế.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Thiết lập và vận hành cơ chế ưu tiên đặc biệt trong thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích; tập trung hỗ trợ đánh giá, hoàn thiện, định giá, chuyển giao, li-xăng, góp vốn, ứng dụng, sản xuất, kinh doanh, kết nối đầu tư và phát triển thị trường, qua đó chuyển hóa sáng chế, giải pháp hữu ích thành sản phẩm, công nghệ, dịch vụ, mô hình kinh doanh và giá trị kinh tế - xã hội cụ thể. Ưu tiên sáng chế, giải pháp hữu ích của tổ chức, cá nhân có địa chỉ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; khuyến khích thu hút, tiếp nhận, làm chủ, cải tiến và ứng dụng tại tỉnh đối với sáng chế, giải pháp hữu ích đã được bảo hộ tại Việt Nam, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc đã hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đưa nội dung thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích vào nhóm ưu tiên hàng đầu khi đặt hàng, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh hàng năm.

b) Tập trung hỗ trợ xây dựng, bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu gắn với sản phẩm OCOP ở trong nước và nước ngoài; ưu tiên bố trí nhiệm vụ, nguồn lực hàng năm để hoàn thiện hồ sơ bảo hộ, chuẩn hóa mô hình quản trị, kiểm soát chất lượng, giám sát thị trường và phát triển thương hiệu sau bảo hộ đối với các tài sản trí tuệ nêu trên.

c) Gắn quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu gắn với sản phẩm OCOP với hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, an toàn thực phẩm, mã số vùng trồng,

mã cơ sở sản xuất, truy xuất nguồn gốc, định danh số, hộ chiếu số sản phẩm, công cụ số về nhận diện, xác thực, cảnh báo và chống giả; hình thành dữ liệu tin cậy, liên thông, cập nhật về nguồn gốc, chất lượng, quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quản lý, chủ thể sản xuất, quy trình kiểm soát, câu chuyện sản phẩm và thông tin thị trường. Lồng ghép khai thác, phát triển tài sản trí tuệ với truyền thông, quảng bá, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, phát triển chuỗi giá trị, du lịch, văn hóa, thị trường trong nước và quốc tế; bảo đảm tài sản trí tuệ sau bảo hộ được quản trị, kiểm soát, khai thác hiệu quả, gắn với gìn giữ, phát huy tri thức truyền thống, giá trị văn hóa, giá trị bản địa và bản sắc Thái Nguyên.

d) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, nâng cao năng lực quản trị và khai thác giá trị tài sản trí tuệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo; tập trung nhận diện, kiểm kê, xác lập quyền, định giá, hạch toán, khai thác, giao dịch, chuyển giao, li-xăng, nhượng quyền, góp vốn bằng tài sản trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Phát triển hoạt động kết nối cung - cầu, thị trường tài sản trí tuệ, sàn giao dịch công nghệ, tổ chức trung gian, chuyên gia, nhà đầu tư, quỹ, ngân hàng, doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu nhằm thúc đẩy khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ; khuyến khích hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dựa trên tài sản trí tuệ. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng hiệu quả công cụ sở hữu trí tuệ để tạo lập lợi thế cạnh tranh, phát triển sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng tri thức, công nghệ, đổi mới sáng tạo, uy tín và chất lượng cao; góp phần phát triển các ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều tài sản trí tuệ, phù hợp với định hướng xây dựng tỉnh Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ cao, xanh, thông minh và giàu bản sắc văn hóa.

4. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ

a) Tăng cường cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng thực thi quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và tổ chức, cá nhân có liên quan trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

b) Ưu tiên bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến sản phẩm được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm được chứng nhận OCOP; gắn thực thi quyền sở hữu trí tuệ với truy xuất nguồn gốc, nhận diện, xác thực, cảnh báo và chống giả nhằm bảo vệ uy tín, chất lượng, danh tiếng và giá trị thương mại của sản phẩm.

c) Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; nhất là trên không gian mạng, nền tảng số, sàn thương mại điện tử và các kênh phân phối trực

tuyên; hỗ trợ chủ thể quyền sở hữu trí tuệ theo dõi, thu thập thông tin, lưu giữ chứng cứ, cảnh báo vi phạm, yêu cầu xử lý, gỡ bỏ nội dung vi phạm theo quy định của pháp luật.

d) Hỗ trợ chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nâng cao năng lực tự bảo vệ quyền thông qua thiết lập, quản lý hồ sơ quyền; xây dựng cơ chế theo dõi, giám sát thị trường; ứng dụng công nghệ nhận diện, cảnh báo, ngăn chặn vi phạm; thiết lập quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin xâm phạm và phương án phối hợp với cơ quan thực thi theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức trung bày, triển lãm, tuyên truyền, hướng dẫn nhận diện, phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sản phẩm xâm phạm quyền, hàng giả, hàng nhái nhằm nâng cao nhận thức của tổ chức, doanh nghiệp, người dân trong bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tiêu dùng có trách nhiệm.

5. Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ

a) Phát triển mạng lưới tổ chức trung gian hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh theo hướng chuyên nghiệp, liên thông, hiệu quả; khuyến khích hình thành, thu hút, kết nối tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, tổ chức tư vấn dịch vụ sở hữu trí tuệ, tổ chức chuyển giao công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, cơ sở ươm tạo, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, hiệp hội ngành hàng và chuyên gia có năng lực tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn, xác lập quyền, quản trị, định giá, giao dịch, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ.

b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quản trị viên tài sản trí tuệ, cán bộ đầu mối về sở hữu trí tuệ trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; hình thành mạng lưới chuyên gia, tư vấn viên, cộng tác viên có năng lực về sở hữu trí tuệ và các vấn đề liên quan, bảo đảm hỗ trợ chuyên sâu, kịp thời, thực chất cho các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

c) Chuẩn hóa cơ chế lựa chọn, đặt hàng, thuê chuyên gia, sử dụng dịch vụ tư vấn và kiểm soát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đầu ra do tổ chức trung gian thực hiện; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chuyên môn, đúng nhu cầu, đúng kết quả, gắn trách nhiệm của tổ chức trung gian với chất lượng hồ sơ, hiệu quả xác lập quyền, khả năng khai thác, thương mại hóa và phát triển tài sản trí tuệ sau hỗ trợ.

d) Xây dựng, vận hành các mô hình tư vấn, hỗ trợ sở hữu trí tuệ linh hoạt, thiết thực, phù hợp nhu cầu của từng nhóm chủ thể, gắn với kết nối chuyên gia, doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức tài chính, sàn giao dịch công nghệ và thị trường; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, chủ thể OCOP, cơ sở giáo dục, tổ chức nghiên cứu, nhà sáng chế, học sinh, sinh viên có ý tưởng, sản phẩm,

giải pháp đổi mới sáng tạo có khả năng hình thành, bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.

d) Tăng cường liên kết, hợp tác với cơ quan chuyên môn về sở hữu trí tuệ, trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức dịch vụ, tổ chức quốc tế, chuyên gia trong nước và nước ngoài nhằm bổ sung nguồn lực chuyên sâu, tiếp cận tri thức, kinh nghiệm, công nghệ, mô hình dịch vụ tiên tiến; góp phần nâng cao năng lực hệ sinh thái dịch vụ sở hữu trí tuệ của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển tài sản trí tuệ trong giai đoạn mới.

e) Nâng cao năng lực của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong quản trị và khai thác tài sản trí tuệ; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thiết lập đầu mối phụ trách sở hữu trí tuệ, xây dựng quy chế, quy trình nội bộ về quản lý, sử dụng, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ. Tập trung hỗ trợ nhận diện, kiểm kê, phân loại, số hóa và quản lý hồ sơ quyền sở hữu trí tuệ, dữ liệu, bí mật kinh doanh, kết quả nghiên cứu, đối tượng sở hữu công nghiệp, quyền tác giả và các tài sản trí tuệ khác hình thành trong quá trình nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, đào tạo, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo; bảo đảm các tài sản này được quản lý chặt chẽ, bảo mật phù hợp, khai thác hợp pháp và phát triển giá trị hiệu quả.

6. Hình thành, tạo dựng văn hoá sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, truyền thông về sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và phát triển tài sản trí tuệ trên phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở, hoạt động cộng đồng và các sự kiện chuyên đề; hình thành văn hóa tôn trọng sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khai thác tài sản trí tuệ hợp pháp và tiêu dùng có trách nhiệm trong xã hội.

b) Biên soạn, phát hành tài liệu, học liệu, cẩm nang, ấn phẩm và sản phẩm truyền thông về sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và phát triển tài sản trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng; tập trung cung cấp kiến thức nền tảng, kỹ năng tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ; hướng dẫn phân biệt sản phẩm được bảo hộ với sản phẩm xâm phạm quyền, hàng giả, hàng nhái; thúc đẩy ứng dụng công cụ số trong truy xuất nguồn gốc, nhận diện, xác thực, quảng bá và phát triển sản phẩm.

c) Tổ chức, lồng ghép các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, cuộc thi, diễn đàn, câu lạc bộ, ngày hội sáng tạo về sở hữu trí tuệ trong trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học; đưa kiến thức sở hữu trí tuệ gắn với giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, sáng chế, bản quyền, khởi nghiệp sáng tạo, định hướng nghề nghiệp và ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, qua đó hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ từ nhà trường, đồng thời tạo môi trường phát hiện, bồi dưỡng, hỗ trợ ý tưởng, sản

phẩm, giải pháp đổi mới sáng tạo có khả năng bảo hộ, khai thác và phát triển thành tài sản trí tuệ.

d) Hằng năm tổ chức đối thoại chuyên đề giữa cơ quan quản lý nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân về sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ; kịp thời tiếp nhận, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy kết nối, hợp tác, lan tỏa mô hình, điển hình hiệu quả; biểu dương, tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong hoạt động sở hữu trí tuệ của tỉnh.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nhu cầu dự kiến tổng kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ là 300 tỷ đồng, gồm: nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên là 250 tỷ đồng; nguồn ngoài ngân sách nhà nước là 50 tỷ đồng (*có Phụ lục 02 đề xuất Danh mục nhiệm vụ chủ yếu và dự kiến kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình kèm theo*).

2. Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành; ưu tiên từ nguồn sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời lồng ghép với các nguồn chi thường xuyên, chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn ngoài ngân sách nhà nước gồm kinh phí đối ứng, đóng góp, tài trợ, viện trợ, hợp tác công tư, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn huy động hợp pháp khác; khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp chủ động bố trí nguồn lực tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình; gắn hỗ trợ của Nhà nước với trách nhiệm đối ứng, duy trì, quản trị, khai thác, thương mại hóa, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ sau hỗ trợ.

4. Việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí của Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng mục tiêu, đúng nội dung, đúng đối tượng, đúng định mức, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp chính sách hỗ trợ.

5. Hằng năm, căn cứ mục tiêu, nội dung, danh mục nhiệm vụ của Chương trình và khả năng cân đối ngân sách, các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán

kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp theo quy định. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì rà soát nội dung chuyên môn, xác định nhiệm vụ ưu tiên; phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết, có sản phẩm đầu ra rõ ràng, khả năng huy động nguồn lực đối ứng, tác động lan tỏa và đóng góp trực tiếp vào việc hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan chủ trì, đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm; rà soát, tổng hợp, đề xuất danh mục nhiệm vụ, dự án, hoạt động ưu tiên thuộc Chương trình; hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền các nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung, đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan triển khai các nhiệm vụ về tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ.

d) Chủ trì theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định; kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế phối hợp, phương thức hỗ trợ nhằm bảo đảm Chương trình được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ và đạt mục tiêu đề ra.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình của các cơ quan, đơn vị, địa phương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật.

3. Các sở, ban, ngành; tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ trong triển khai các nội dung của Chương trình, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả; đưa nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ vào kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Chủ động rà soát, xác định nhiệm vụ, lập dự toán, cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm được giao và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong xác định nội dung chuyên môn, nhiệm vụ ưu tiên, sản phẩm đầu ra và phối hợp với Sở Tài chính trong tổng hợp, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp thực hiện thuộc Chương trình; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

4. Các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan

a) Chủ động đề xuất, tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo nhu cầu, năng lực và điều kiện thực tế; bố trí nguồn lực đối ứng và các điều kiện cần thiết để triển khai nhiệm vụ được hỗ trợ; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ theo quy định.

b) Tổ chức trung gian hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo, kết nối, chuyên giao, định giá, thương mại hóa, truyền thông, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và các dịch vụ liên quan cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình phải bảo đảm đúng chuyên môn, đúng quy định, đúng tiến độ, đúng sản phẩm đầu ra; chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan, bảo mật thông tin và chất lượng kết quả thực hiện.

c) Định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin, báo cáo đầy đủ, kịp thời, trung thực kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được hỗ trợ hoặc nội dung tham gia phối hợp về Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan có thẩm quyền để theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo quy định./.

PHỤ LỤC 01
CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương thức tính	Cả giai đoạn/ đến năm 2030	2026	2027	2028	2029	2030
1	Số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp so với giai đoạn 2021 - 2025	%	Lũy kế đến hết năm 2030	≥ 120	10	35	65	95	120
2	Tỷ lệ sáng chế, giải pháp hữu ích được thương mại hóa trên tổng số sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ	%	Lũy kế đến hết năm 2030	≥ 10	2	4	7	9	10
3	Nhóm dữ liệu trọng tâm về tài sản trí tuệ của tỉnh được số hóa, cập nhật, khai thác	Nhóm dữ liệu	Lũy kế đến hết năm 2030	≥ 5	0	3	5	Duy trì, cập nhật	Duy trì, cập nhật
4	Kết quả, ý tưởng, giải pháp, sản phẩm sáng tạo được sàng lọc, tư vấn về sở hữu trí tuệ	Trường hợp	Theo năm	≥ 300	10	70	90	80	50
5	Kết quả, ý tưởng, giải pháp, sản phẩm sáng tạo đủ điều kiện để tiếp tục hỗ trợ xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa	Trường hợp	Theo năm	≥ 150	5	35	45	40	25
6	Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng; văn	%	Hàng năm	100	100	100	100	100	100

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương thức tính	Cả giai đoạn/ đến năm 2030	2026	2027	2028	2029	2030
	bằng bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp; đơn đăng ký bảo hộ ở nước ngoài có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ theo chính sách của tỉnh								
7	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh có khả năng tạo ra tài sản trí tuệ được đánh giá khả năng bảo hộ ngay từ khâu tuyển chọn, giao trực tiếp, đặt hàng	%	Hàng năm	100	100	100	100	100	100
8	Tài sản trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, thương mại hóa theo nhu cầu, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật	%	Lũy kế đến hết năm 2030	≥ 80	10	50	60	75	80
9	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh thuộc Chương trình được phê duyệt	Nhiệm vụ	Theo năm	≥ 25	1	5	8	8	3
10	Nhiệm vụ hỗ trợ thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích đã được cấp văn bằng bảo hộ	Nhiệm vụ	Theo năm	≥ 10	0	2	3	4	1
11	Sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu có nhu cầu,	%	Lũy kế đến hết năm 2030	≥ 60	5	20	40	55	60

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương thức tính	Cả giai đoạn/ đến năm 2030	2026	2027	2028	2029	2030
	đủ điều kiện được hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, quản lý, khai thác, phát triển thương hiệu, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau bảo hộ								
12	Sản phẩm OCOP có tiềm năng xuất khẩu được hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, khai thác và phát triển thương hiệu tại thị trường nước ngoài	Sản phẩm	Theo năm	≥ 10	0	2	3	3	2
13	Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm du lịch, văn hóa đặc trưng của địa phương được bảo hộ mới	Tài sản trí tuệ	Theo năm	≥ 20	1	4	6	6	3
14	Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể được chuẩn hóa mô hình quản trị, gắn với tri thức truyền thống, giá trị văn hóa, giá trị bản địa và tích hợp công cụ số để truy xuất nguồn gốc, nhận diện, chống giả	%	Lũy kế đến hết năm 2030	100	10	35	60	85	100
15	Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể được đăng ký bảo hộ, mở rộng bảo hộ, gia hạn văn bằng bảo hộ, khai thác và phát triển thương hiệu ở thị trường nước ngoài	Tài sản trí tuệ	Theo năm	≥ 5	1	1	1	1	1

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương thức tính	Cả giai đoạn/ đến năm 2030	2026	2027	2028	2029	2030
16	Sản phẩm mang tài sản trí tuệ được tích hợp truy xuất nguồn gốc, định danh số, hộ chiếu số sản phẩm, công cụ nhận diện, xác thực, cảnh báo và chống giả	Sản phẩm	Theo năm	≥ 50	0	10	15	16	9
17	Tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ quản trị, khai thác tài sản trí tuệ	Tổ chức, doanh nghiệp	Theo năm	≥ 50	0	10	15	16	9
18	Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ được hỗ trợ nâng cao năng lực tự bảo vệ quyền	Chủ thể	Theo năm	≥ 50	0	10	15	15	10
19	Lượt người được đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ	Lượt người	Theo năm	≥ 2.500	500	500	500	500	500
20	Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có đầu mối triển khai nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ	%	Hằng năm	100	100	100	100	100	100
21	Trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học tổ chức hoặc lồng ghép hoạt động tuyên truyền, giáo dục, trải nghiệm về sở hữu trí tuệ	%	Lũy kế đến hết năm 2030	≥ 80	10	30	55	70	80

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương thức tính	Cả giai đoạn/ đến năm 2030	2026	2027	2028	2029	2030
22	Mô hình tư vấn, hỗ trợ sở hữu trí tuệ linh hoạt, thiết thực được xây dựng, vận hành	Mô hình	Theo năm	≥ 5	0	1	2	1	1
23	Cuộc đối thoại chuyên đề về sở hữu trí tuệ	Cuộc	Theo năm	≥ 05	1	1	1	1	1
24	Đợt kiểm tra chuyên ngành về sở hữu trí tuệ	Đợt	Theo năm	≥ 05	1	1	1	1	1
25	Hoạt động trung bày, triển lãm, truyền thông, hướng dẫn nhận diện, phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sản phẩm xâm phạm quyền, hàng giả, hàng nhái	Hoạt động	Theo năm	≥ 10	1	2	3	2	2

Ghi chú: Đối với chỉ tiêu tính bằng tỷ lệ, kết quả được xác định trên cơ sở số đối tượng phát sinh có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định. Đối với chỉ tiêu tính theo năm, số liệu phân kỳ là căn cứ xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ, kiểm tra, đánh giá hằng năm; trong quá trình thực hiện có thể điều chỉnh phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, tiến độ nhiệm vụ và mức độ huy động nguồn lực ngoài ngân sách, nhưng phải bảo đảm hoàn thành mục tiêu đến năm 2030.

PHỤ LỤC 02
ĐỀ XUẤT DANH MỤC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN, GIAI ĐOẠN 2026 – 2030
THEO ĐỀ NGHỊ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030						
						Tổng kinh phí	Nguồn ngân sách nhà nước					Nguồn ngoài ngân sách nhà nước
							2026	2027	2028	2029	2030	
I	Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về sở hữu trí tuệ					107,2	5,2	20	30	15	10	27
1	Xây dựng, cập nhật, kết nối và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu số về tài sản trí tuệ của tỉnh	Xây dựng cơ sở dữ liệu số; phát triển công cụ tra cứu, phân tích thông tin sở hữu trí tuệ; xây dựng bản đồ sáng chế, báo cáo xu hướng công nghệ phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm, dịch vụ và xác lập quyền	Hệ thống cơ sở dữ liệu số về tài sản trí tuệ của tỉnh; tối thiểu 05 nhóm dữ liệu trọng tâm được số hóa, cập nhật, khai thác; các báo cáo, bản đồ sáng chế theo lĩnh vực ưu tiên; công cụ phục vụ tra cứu, phân tích, quản lý và hỗ trợ chủ thể quyền	Sở Khoa học và Công nghệ	Cục Sở hữu trí tuệ; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	8	0	3	2	2	1	0
2	Hỗ trợ phát hiện, hình thành, ươm tạo, hoàn thiện và chuẩn hóa kết quả sáng tạo thành tài sản trí tuệ	Tư vấn, hướng dẫn tổ chức, cá nhân nhận diện, sàng lọc, ươm tạo, hoàn thiện kết quả nghiên cứu, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, sản phẩm sáng tạo, dấu hiệu nhận diện thương mại, tài sản số, tri thức truyền thống, tri thức bản địa thành tài sản trí tuệ có khả năng bảo hộ, quản trị, khai thác và thương mại hóa	Danh mục nguồn tài sản trí tuệ tiềm năng hằng năm; tối thiểu 300 kết quả, ý tưởng, giải pháp, sản phẩm sáng tạo được sàng lọc, tư vấn; tối thiểu 150 trường hợp được xác định đủ điều kiện để tiếp tục hỗ trợ xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	8	0	1	2	2	1	2
3	Đánh giá khả năng hình thành, bảo hộ,	Thiết lập quy trình, tiêu chí, biểu mẫu đánh giá tài sản trí tuệ ngay	100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị -	2	0	0,5	0,5	0,5	0,5	0

	quản trị, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ trong nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh	từ khâu tuyển chọn, giao trực tiếp, đặt hàng; lồng ghép yêu cầu về xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ vào nghiệm thu, chuyển giao, ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu	tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh có khả năng tạo ra tài sản trí tuệ được đánh giá từ khâu đầu; bộ tiêu chí, biểu mẫu đánh giá; báo cáo tài sản trí tuệ đối với nhiệm vụ có tiềm năng; danh mục tài sản trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ		xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan									
4	Đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, phê duyệt và quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh thuộc Chương trình	Rà soát, đề xuất, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, phê duyệt và quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh thuộc Chương trình; ưu tiên nhiệm vụ có sản phẩm đầu ra rõ ràng, khả năng hình thành, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa và nhân rộng tài sản trí tuệ	Tối thiểu 25 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh thuộc Chương trình được phê duyệt, tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá; trong đó tối thiểu 10 nhiệm vụ tập trung hỗ trợ thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích đã được cấp văn bằng bảo hộ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	87	5	15	25	10	7	25		
5	Phát triển nguồn nhân lực về sở hữu trí tuệ của tỉnh	Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng từ cơ bản đến nâng cao; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, lực lượng thực thi, nhân lực của tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; thu hút, huy động chuyên gia, nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động sở hữu trí tuệ của tỉnh	Tối thiểu 2.500 lượt người được đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ; 100% sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có đầu mối triển khai nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ; tối thiểu 80% trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học tổ chức hoặc lồng ghép hoạt động tuyên truyền, giáo dục, trải nghiệm về sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã	Cục Sở hữu trí tuệ; Sở Công Thương; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	2,2	0,2	0,5	0,5	0,5	0,5	0		
II	Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước						59,2	4,2	11	13	15	11	5	

1	Triển khai chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 của HĐND tỉnh	Hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, chi trả và theo dõi kết quả hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới và đăng ký bảo hộ ở nước ngoài; bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, không trùng lặp chính sách	Quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định và chi trả hỗ trợ; 100% hồ sơ có nhu cầu, đủ điều kiện được xem xét hỗ trợ theo chính sách của tỉnh; cơ sở dữ liệu theo dõi kết quả hỗ trợ, tình trạng đơn, văn bằng bảo hộ và hiệu quả sau hỗ trợ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	20,5	0,5	5	5	5	5	0
2	Rà soát, xây dựng, cập nhật danh mục tài sản trí tuệ có tiềm năng đăng ký bảo hộ trong nước và nước ngoài	Điều tra, rà soát, phát hiện, phân loại tài sản trí tuệ có khả năng đăng ký bảo hộ; lập danh mục ưu tiên theo nhóm đối tượng, ngành, lĩnh vực, địa bàn, sản phẩm, chủ thể và thị trường; ưu tiên tài sản trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tài sản trí tuệ gắn với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm làng nghề, du lịch, văn hóa đặc trưng của địa phương	Danh mục tài sản trí tuệ tiềm năng được cập nhật hằng năm; danh mục tài sản trí tuệ ưu tiên hỗ trợ trong nước, nước ngoài; dữ liệu phục vụ lập kế hoạch hỗ trợ đăng ký bảo hộ theo lộ trình	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; Hội Nông dân tỉnh; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	0	0	0	0	0	0	0
3	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu đối với sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; kết nối tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; chuẩn hóa hồ sơ đăng ký, mẫu nhãn hiệu, chủ thể quyền và phạm vi bảo hộ; ưu tiên sản phẩm có nhu cầu, đủ điều kiện, có khả năng phát triển thương hiệu và mở rộng thị trường	Tối thiểu 60% sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu có nhu cầu, đủ điều kiện được hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; hồ sơ đăng ký được nâng cao chất lượng, hạn chế rủi ro pháp lý, nâng cao khả năng được cấp văn bằng bảo hộ	Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Hội Nông dân tỉnh; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	6	0	1	1	1	1	2
4	Xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ mới chỉ dẫn	Điều tra, khảo sát, xác định sản phẩm, khu vực, chủ thể quản lý,	Tối thiểu 20 chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn	Sở Khoa học và Công nghệ;	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn	18,5	3,5	3	4	5	3	0

	địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm du lịch, văn hóa đặc trưng của địa phương	chủ thể sử dụng; xây dựng bản mô tả, tiêu chí chất lượng, quy chế quản lý, quy chế sử dụng, bản đồ khu vực, hồ sơ pháp lý và hồ sơ đăng ký bảo hộ theo quy định	hiệu tập thể được xây dựng hồ sơ và đăng ký bảo hộ mới; hình thành nền tảng pháp lý để quản lý, khai thác, kiểm soát chất lượng và phát triển thương hiệu sau bảo hộ	Ủy ban nhân dân cấp xã	hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan								
5	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở nước ngoài đối với sản phẩm, thương hiệu có tiềm năng xuất khẩu	Lựa chọn, tư vấn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu gắn với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP có tiềm năng xuất khẩu, khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, thương mại điện tử xuyên biên giới hoặc có nguy cơ bị chiếm đoạt quyền tại thị trường quốc tế	Tối thiểu 10 sản phẩm OCOP có tiềm năng xuất khẩu được hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại thị trường nước ngoài; tối thiểu 05 chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể được hỗ trợ đăng ký bảo hộ hoặc mở rộng bảo hộ hoặc gia hạn văn bằng bảo hộ ở thị trường nước ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	14,2	0,2	2	3	4	2	3	
6	Theo dõi, đánh giá hiệu quả hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ	Theo dõi tình trạng đơn, văn bằng, hiệu quả xác lập quyền; đánh giá chất lượng hồ sơ, kết quả hỗ trợ, mức độ đáp ứng mục tiêu tăng số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp; rà soát việc thực hiện nguyên tắc hỗ trợ một lần, không trùng lặp chính sách	Báo cáo đánh giá hàng năm; dữ liệu về đơn, văn bằng, chủ thể được hỗ trợ; kiến nghị điều chỉnh danh mục ưu tiên, phương thức hỗ trợ, quy trình thực hiện để nâng cao hiệu quả Chương trình	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; các chủ thể được hỗ trợ; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	0	0	0	0	0	0	0	
III	Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ					64	0	10	14	17	13	10	
1	Thiết lập và vận hành cơ chế ưu tiên đặc biệt trong thương mại hóa	Tập trung hỗ trợ đánh giá, hoàn thiện, định giá, chuyên giao, li-xăng, góp vốn, ứng dụng, sản	Cơ chế ưu tiên đặc biệt trong thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích được	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban	0	0	0	0	0	0	0	

	sáng chế, giải pháp hữu ích	xuất, kinh doanh, kết nối đầu tư và phát triển thị trường, qua đó chuyển hóa sáng chế, giải pháp hữu ích thành sản phẩm, công nghệ, dịch vụ, mô hình kinh doanh và giá trị kinh tế - xã hội cụ thể. Ưu tiên sáng chế, giải pháp hữu ích của tổ chức, cá nhân có địa chỉ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; khuyến khích thu hút, tiếp nhận, làm chủ, cải tiến và ứng dụng tại tỉnh đối với sáng chế, giải pháp hữu ích đã được bảo hộ tại Việt Nam, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc đã hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đưa nội dung thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích vào nhóm ưu tiên hàng đầu khi đặt hàng, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh hằng năm	thiết lập và vận hành; danh mục sáng chế, giải pháp hữu ích có tiềm năng thương mại hóa được cập nhật hằng năm; tối thiểu 10 nhiệm vụ hỗ trợ thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích được phê duyệt; tỷ lệ sáng chế, giải pháp hữu ích được thương mại hóa đạt tối thiểu 10% số sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ; hình thành mô hình kết nối sáng chế, giải pháp hữu ích với doanh nghiệp, nhà đầu tư, quỹ, ngân hàng, sàn giao dịch công nghệ và thị trường		nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan								
2	Chuẩn hóa mô hình quản trị, kiểm soát chất lượng, giám sát thị trường và phát triển thương hiệu sau bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu gắn với sản phẩm OCOP ở trong nước và nước ngoài	Hỗ trợ quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ sau bảo hộ; chuẩn hóa mô hình quản trị, quy chế sử dụng, cơ chế cấp và thu hồi quyền sử dụng, hệ thống kiểm soát chất lượng, giám sát thị trường, phương án khai thác thương mại và phát triển thương hiệu đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu gắn với sản phẩm OCOP ở trong nước và nước ngoài	100% chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể được hỗ trợ thuộc Chương trình được chuẩn hóa mô hình quản trị; tối thiểu 60% sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu có nhu cầu, đủ điều kiện được hỗ trợ quản lý, khai thác, phát triển thương hiệu, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau bảo hộ; hình thành mô hình quản trị mẫu đối với tài sản trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	15	0	3	4	3	3	2	

			tập thể, tài sản trí tuệ cộng đồng										
3	Gắn tài sản trí tuệ với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, định danh số, hộ chiếu số sản phẩm, nhận diện và chống giả	Xây dựng, ứng dụng công cụ số phục vụ quản lý, nhận diện, xác thực, cảnh báo, chống giả; tích hợp dữ liệu về quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quản lý, chủ thể sản xuất, vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng, mã cơ sở sản xuất, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, chứng nhận, quy trình kiểm soát, truy xuất nguồn gốc, câu chuyện sản phẩm và thông tin thị trường	Hệ thống dữ liệu tin cậy, liên thông, cập nhật phục vụ quản lý, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ sau bảo hộ; tối thiểu 50 sản phẩm mang tài sản trí tuệ được tích hợp truy xuất nguồn gốc, định danh số, hộ chiếu số sản phẩm, công cụ nhận diện, xác thực, cảnh báo và chống giả; hình thành mô hình mẫu gắn sở hữu trí tuệ với tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	20	0	3	4	5	5	3	
4	Khai thác, phát triển tài sản trí tuệ gắn với truyền thông, quảng bá, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, du lịch, văn hóa và thị trường trong nước, quốc tế	Lồng ghép phát triển tài sản trí tuệ với xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, thương mại điện tử xuyên biên giới, phát triển chuỗi giá trị, du lịch, văn hóa, câu chuyện sản phẩm, giá trị văn hóa, giá trị bản địa và bản sắc Thái Nguyên; ưu tiên sản phẩm OCOP, chè và sản phẩm từ chè, nông sản đặc sản, dược liệu, sản phẩm làng nghề, sản phẩm du lịch, văn hóa, sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm công nghệ và sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của tỉnh	Các gói truyền thông, quảng bá, xúc tiến thương mại chuyên đề cho sản phẩm mang tài sản trí tuệ; tối thiểu 10 sản phẩm OCOP có tiềm năng xuất khẩu được hỗ trợ khai thác, phát triển thương hiệu tại thị trường nước ngoài sau đăng ký bảo hộ; tối thiểu 05 chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể được hỗ trợ khai thác, quảng bá, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế; mô hình khai thác tài sản trí tuệ gắn với du lịch, văn hóa và giá trị bản địa	Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	16	0	2	3	5	3	3	
5	Hỗ trợ quản trị, định giá, giao dịch, chuyển giao, li-xăng, nhượng quyền, góp vốn và phát triển thị trường tài sản	Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nhận diện, kiểm kê, xác lập quyền, định giá, hạch toán, khai thác, giao dịch, chuyển giao, li-xăng, nhượng quyền, góp vốn bằng tài sản trí tuệ; phát triển	Tối thiểu 50 tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ quản trị, khai thác tài sản trí tuệ; hình thành các hoạt động kết nối, giao dịch, chuyển giao, li-xăng, thương mại	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Công Thương; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại	13	0	2	3	4	2	2	

	trí tuệ trong tổ chức, doanh nghiệp	hoạt động kết nối cung - cầu, thị trường tài sản trí tuệ, sàn giao dịch công nghệ, tổ chức trung gian, chuyên gia, nhà đầu tư, quỹ, ngân hàng, doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu	hóa tài sản trí tuệ; khuyến khích hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dựa trên tài sản trí tuệ; thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng tri thức, công nghệ, đổi mới sáng tạo, uy tín và chất lượng cao		học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan								
IV	Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ					16,2	0,2	2,9	4,1	3,1	2,9	3	
1	Tăng cường cơ chế phối hợp trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	Thiết lập, củng cố cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng thực thi quyền, chủ thể quyền và tổ chức, cá nhân liên quan; xác định đầu mối, quy trình tiếp nhận, trao đổi, xử lý thông tin về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	Cơ chế phối hợp thực thi quyền sở hữu trí tuệ được vận hành thống nhất; đầu mối phối hợp được xác định rõ; quy trình tiếp nhận, chuyển xử lý, phản hồi thông tin vì phạm được chuẩn hóa; cơ sở dữ liệu, hồ sơ theo dõi vụ việc xâm phạm quyền được cập nhật, phục vụ quản lý, kiểm tra, giám sát	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Sở Công Thương; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	0	0	0	0	0	0	0	
2	Tổ chức kiểm tra chuyên đề về sở hữu trí tuệ đối với nhóm sản phẩm trọng điểm	Tổ chức kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; ưu tiên sản phẩm được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, sản phẩm được chứng nhận OCOP, sản phẩm chủ lực, sản phẩm có nguy cơ cao bị giả mạo, làm nhái, xâm phạm quyền	Hàng năm tổ chức tối thiểu 01 đợt kiểm tra chuyên ngành hoặc liên ngành về sở hữu trí tuệ; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; vụ việc vì phạm được phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền; nâng cao hiệu lực bảo vệ quyền, uy tín, chất lượng, danh tiếng và giá trị thương mại của sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Sở Công Thương; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	1,2	0,2	0,2	0,3	0,3	0,2	0	

3	Tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên không gian mạng, nền tảng số, sàn thương mại điện tử và kênh phân phối trực tuyến	Theo dõi, phát hiện, thu thập thông tin, lưu giữ chứng cứ, cảnh báo, yêu cầu xử lý, gỡ bỏ nội dung vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số; phối hợp xử lý hành vi sử dụng trái phép nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, hình ảnh, dữ liệu, nội dung số và dấu hiệu nhận diện thương mại của chủ thể quyền	Cơ chế theo dõi, cảnh báo vi phạm trên môi trường số được hình thành; chủ thể quyền được hướng dẫn thu thập, lưu giữ chứng cứ điện tử, gửi yêu cầu xử lý, gỡ bỏ nội dung vi phạm; các trường hợp xâm phạm quyền trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, website, ứng dụng số được phát hiện, xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	1	0	0,2	0,3	0,3	0,2	0
4	Hỗ trợ chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nâng cao năng lực tự bảo vệ quyền	Hỗ trợ thiết lập, quản lý hồ sơ quyền; xây dựng cơ chế theo dõi, giám sát thị trường; ứng dụng công nghệ nhận diện, cảnh báo, ngăn chặn vi phạm; thiết lập quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin xâm phạm và phương án phối hợp với cơ quan thực thi	Tối thiểu 50 chủ thể quyền sở hữu trí tuệ được hỗ trợ nâng cao năng lực tự bảo vệ quyền; hồ sơ quyền, quy trình xử lý thông tin xâm phạm, phương án phối hợp thực thi và công cụ nhận diện, cảnh báo vi phạm được xây dựng, áp dụng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	12	0	2	3	2	2	3
5	Tổ chức trưng bày, triển lãm, tuyên truyền, hướng dẫn nhận diện, phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sản phẩm xâm phạm quyền, hàng giả, hàng nhái	Tổ chức hoạt động truyền thông, trưng bày, triển lãm, hội nghị, chuyên đề hướng dẫn nhận diện sản phẩm hợp pháp, sản phẩm xâm phạm quyền, hàng giả, hàng nhái; nâng cao nhận thức của tổ chức, doanh nghiệp, người dân về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tiêu dùng có trách nhiệm	Tối thiểu 10 hoạt động trưng bày, triển lãm, truyền thông, hướng dẫn nhận diện, phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sản phẩm xâm phạm quyền, hàng giả, hàng nhái; tài liệu, hình ảnh, dữ liệu nhận diện sản phẩm hợp pháp và sản phẩm vi phạm được xây dựng, phổ biến; nhận thức	Sở Công Thương	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan báo chí, truyền thông; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức trung	2	0	0,5	0,5	0,5	0,5	0

			xã hội về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tiêu dùng có trách nhiệm được nâng cao		gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan								
V	Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ					32,8	0	4,7	7,7	10,7	4,7	5	
1	Phát triển mạng lưới tổ chức trung gian hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh	Khuyến khích hình thành, thu hút, kết nối tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, tổ chức tư vấn dịch vụ sở hữu trí tuệ, tổ chức chuyển giao công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, cơ sở ươm tạo, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, hiệp hội ngành hàng và chuyên gia có năng lực tham gia hệ sinh thái dịch vụ sở hữu trí tuệ của tỉnh	Mạng lưới tổ chức trung gian, chuyên gia, tư vấn viên, đơn vị dịch vụ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh; danh mục tổ chức, chuyên gia đủ năng lực tham gia tư vấn, xác lập quyền, quản trị, định giá, giao dịch, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Cục Sở hữu trí tuệ; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	14	0	2	3	4	2	3	
2	Đào tạo, tập huấn đội ngũ quản trị viên tài sản trí tuệ, cán bộ đầu mối, chuyên gia, tư vấn viên, cộng tác viên về sở hữu trí tuệ	Đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ đầu mối về sở hữu trí tuệ trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; phát triển đội ngũ quản trị viên tài sản trí tuệ, chuyên gia, tư vấn viên, cộng tác viên có năng lực hỗ trợ chuyên sâu, kịp thời, thực chất cho các chủ thể quyền trên địa bàn tỉnh	Đội ngũ cán bộ đầu mối, quản trị viên tài sản trí tuệ, chuyên gia, tư vấn viên, cộng tác viên được đào tạo, cập nhật kiến thức, kỹ năng; hình thành mạng lưới nhân lực hỗ trợ sở hữu trí tuệ ở cấp tỉnh, cấp xã, trong doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở giáo dục, tổ chức nghiên cứu	Sở Khoa học và Công nghệ	Cục Sở hữu trí tuệ; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	0,8	0	0,2	0,2	0,2	0,2	0	
3	Chuẩn hóa cơ chế lựa chọn, đặt hàng, thuê chuyên gia, sử dụng dịch vụ tư vấn và kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra của tổ chức trung gian	Xây dựng tiêu chí lựa chọn tổ chức trung gian, chuyên gia, đơn vị tư vấn tham gia Chương trình; chuẩn hóa cơ chế đặt hàng, thuê chuyên gia, nghiệm thu sản phẩm đầu ra; gắn trách nhiệm của tổ chức trung gian với chất lượng hồ sơ, hiệu quả xác lập quyền, khả năng khai thác, thương mại hóa và phát triển tài sản trí tuệ sau hỗ trợ	Bộ tiêu chí, quy trình lựa chọn, đặt hàng, thuê chuyên gia, sử dụng dịch vụ tư vấn; mẫu hồ sơ, biểu mẫu nghiệm thu, đánh giá chất lượng sản phẩm đầu ra; cơ chế kiểm soát chất lượng dịch vụ tư vấn, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chuyên môn, đúng nhu cầu, đúng kết quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Cục Sở hữu trí tuệ; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	0	0	0	0	0	0	0	

4	Xây dựng, vận hành các mô hình tư vấn, hỗ trợ sở hữu trí tuệ linh hoạt, thiết thực, phù hợp nhu cầu của từng nhóm chủ thể	Xây dựng các mô hình tư vấn, hỗ trợ như điểm tư vấn sở hữu trí tuệ, phòng khám sở hữu trí tuệ, tổ tư vấn lưu động, diễn đàn kết nối chủ thể quyền với chuyên gia, doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức tài chính, sàn giao dịch công nghệ và thị trường; ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, chủ thể OCOP, cơ sở giáo dục, tổ chức nghiên cứu, nhà sáng chế, học sinh, sinh viên có ý tưởng, sản phẩm, giải pháp đổi mới sáng tạo	Tối thiểu 05 mô hình tư vấn, hỗ trợ sở hữu trí tuệ được xây dựng, vận hành; các phiên tư vấn, kết nối chuyên sâu theo nhóm chủ thể, nhóm sản phẩm, nhóm tài sản trí tuệ; hồ sơ ý tưởng, sản phẩm, giải pháp đổi mới sáng tạo được hướng dẫn hình thành, bảo hộ, khai thác và phát triển thành tài sản trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	7	0	1	2	3	1	0
5	Tăng cường liên kết, hợp tác với cơ quan chuyên môn, trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức dịch vụ, tổ chức quốc tế, chuyên gia trong nước và nước ngoài về sở hữu trí tuệ	Thiết lập, mở rộng hợp tác chuyên sâu nhằm bổ sung nguồn lực, tri thức, kinh nghiệm, công nghệ, mô hình dịch vụ tiên tiến; nâng cao năng lực hệ sinh thái dịch vụ sở hữu trí tuệ của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển tài sản trí tuệ trong giai đoạn mới	Chương trình, thỏa thuận, hoạt động hợp tác với cơ quan chuyên môn, trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức dịch vụ, tổ chức quốc tế, chuyên gia trong nước và nước ngoài; hoạt động tư vấn chuyên sâu, hội thảo, đào tạo, kết nối, chuyển giao kinh nghiệm, mô hình dịch vụ sở hữu trí tuệ tiên tiến	Sở Khoa học và Công nghệ	Cục Sở hữu trí tuệ; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	2	0	0,5	0,5	0,5	0,5	0
6	Nâng cao năng lực của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong quản trị và khai thác tài sản trí tuệ	Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thiết lập đầu mối phụ trách sở hữu trí tuệ; xây dựng quy chế, quy trình nội bộ về quản lý, sử dụng, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ; hỗ trợ nhận diện, kiểm kê, phân loại, số hóa và quản lý hồ sơ quyền, dữ liệu, bí mật kinh doanh, kết quả nghiên cứu, đối tượng sở hữu công nghiệp, quyền tác giả và các tài sản trí tuệ khác	Tối thiểu 50 tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở giáo dục, tổ chức nghiên cứu được hỗ trợ thiết lập hoặc hoàn thiện hệ thống quản trị tài sản trí tuệ nội bộ; hồ sơ quyền, dữ liệu, bí mật kinh doanh, kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được quản lý chặt chẽ, bảo mật phù hợp, khai thác hợp pháp và phát triển giá trị hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các tổ chức trung gian; các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	9	0	1	2	3	1	2

VI	Hình thành, tạo dựng văn hoá sở hữu trí tuệ trong xã hội					20,6	0,2	4,8	5,8	4,9	4,9	0
1	Tổ chức truyền thông về sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và phát triển tài sản trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số và hệ thống thông tin cơ sở	Xây dựng, triển khai các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự, tọa đàm, video, infographic, sản phẩm truyền thông số về sở hữu trí tuệ; truyền thông về tôn trọng sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khai thác tài sản trí tuệ hợp pháp và tiêu dùng có trách nhiệm	Chiến dịch truyền thông hằng năm về sở hữu trí tuệ; hệ thống sản phẩm truyền thông đa nền tảng; thông tin, kiến thức về sở hữu trí tuệ được lan tỏa thường xuyên đến cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân	Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các cơ quan báo chí, truyền thông; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	9	0	2	3	2	2	0
2	Biên soạn, phát hành tài liệu, học liệu, cẩm nang, ấn phẩm và sản phẩm truyền thông về sở hữu trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng	Xây dựng tài liệu phổ biến kiến thức nền tảng, kỹ năng tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ; hướng dẫn phân biệt sản phẩm được bảo hộ với sản phẩm xâm phạm quyền, hàng giả, hàng nhái; thúc đẩy ứng dụng công cụ số trong truy xuất nguồn gốc, nhận diện, xác thực, quảng bá và phát triển sản phẩm	Bộ tài liệu, học liệu, cẩm nang, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông chuyên đề về sở hữu trí tuệ cho cán bộ quản lý, lực lượng thực thi, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ thể OCOP, học sinh, sinh viên và người dân; tài liệu số được cập nhật, chia sẻ, khai thác rộng rãi	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đại học Thái Nguyên; các cơ quan báo chí, truyền thông; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	0,8	0	0,2	0,2	0,2	0,2	0
3	Tổ chức, lồng ghép hoạt động giáo dục, trải nghiệm, cuộc thi, diễn đàn, câu lạc bộ, ngày hội sáng tạo về sở hữu trí tuệ trong trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học	Đưa kiến thức sở hữu trí tuệ gắn với giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, sáng chế, bản quyền, khởi nghiệp sáng tạo, định hướng nghề nghiệp và ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ; tạo môi trường phát hiện, bồi dưỡng, hỗ trợ ý tưởng, sản phẩm, giải pháp đổi mới sáng tạo có khả năng bảo hộ, khai thác và phát triển thành tài sản trí tuệ	Tối thiểu 80% trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học tổ chức hoặc lồng ghép hoạt động tuyên truyền, giáo dục, trải nghiệm về sở hữu trí tuệ; hình thành mô hình câu lạc bộ, cuộc thi, ngày hội sáng tạo về sở hữu trí tuệ; ý tưởng, sản phẩm, giải pháp	Sở Giáo dục và Đào tạo; Đại học Thái Nguyên	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	8	0	2	2	2	2	0

			đổi mới sáng tạo trong nhà trường được phát hiện, bồi dưỡng										
4	Tổ chức đối thoại chuyên đề hằng năm về sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ	Tổ chức đối thoại giữa cơ quan quản lý nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân; tiếp nhận, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; thúc đẩy kết nối, hợp tác, lan tỏa mô hình, điển hình hiệu quả trong hoạt động sở hữu trí tuệ	Hàng năm tổ chức tối thiểu 01 cuộc đối thoại chuyên đề về sở hữu trí tuệ; báo cáo tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của tổ chức, doanh nghiệp, người dân; các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ được đề xuất, triển khai kịp thời	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức trung gian; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	2,2	0,2	0,5	0,5	0,5	0,5	0	
5	Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong hoạt động sở hữu trí tuệ của tỉnh	Phát hiện, lựa chọn, biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong sáng tạo, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ; lan tỏa các mô hình, điển hình tốt trong xã hội	Danh sách tập thể, cá nhân tiêu biểu trong hoạt động sở hữu trí tuệ; hoạt động tôn vinh, truyền thông, nhân rộng mô hình hiệu quả; tạo động lực xã hội thúc đẩy sáng tạo, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và khai thác hợp pháp tài sản trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan báo chí, truyền thông; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	0,6	0	0,1	0,1	0,2	0,2	0	
TỔNG CỘNG: 300 tỷ đồng. Trong đó:													
- Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên: 250 tỷ đồng						300	9,8	53,4	74,6	65,7	46,5	50	
- Nguồn ngoài ngân sách nhà nước: 50 tỷ đồng													

Ghi chú: Kinh phí tại Phụ lục là kinh phí khái toán, làm căn cứ xây dựng kế hoạch và dự toán hằng năm; việc bố trí, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, tiến độ triển khai nhiệm vụ, mức độ huy động nguồn lực đối ứng và quy định của pháp luật có liên quan.